

TRỞ NGẠI TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Nguyễn Thế Dân*
Trường Đại học Phú Yên

Tóm tắt

Bài báo tìm hiểu những biểu hiện và nguyên nhân của những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập theo hệ thống tín chỉ của sinh viên sư phạm Trường Đại học Phú Yên. Trên cơ sở đó, chúng tôi có những kiến nghị giúp sinh viên khắc phục, hạn chế những trở ngại nhằm đạt được mục đích trong học tập và đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường.

Từ khóa: Tín chỉ, hoạt động học tập, sinh viên, trở ngại tâm lý.

Abstract

Psychological barriers in the learning activities with the credit-based system for the pedagogical students at Phu Yen University

This article investigates the signals and reasons for the psychological barriers in the learning activities of the credit-based system for the pedagogical students at Phu Yen University. Studying the psychological barriers in learning activities under the credit system of Phu Yen University's pedagogical students in order to understand the signs of psychological obstacles in learning, the causes leading to obstacles there. Based on that, some suggestions are made to help them overcome or limit such obstacles to achieve their learning goals and meet the institutional training requirements.

Key words: Credit, learning activities, students, psychological barriers.

1. Đặt vấn đề

1.1. Cơ sở lý luận

Tâm lý học hoạt động đã khẳng định: Nhân cách là cái được hình thành chứ không phải là cái được sinh ra. Do đó, tâm lý, ý thức, nhân cách của con người chỉ được hình thành, phát triển và thể hiện trong giao tiếp và hoạt động. Trong hoạt động, con người thường gặp phải những trở ngại tâm lý (TNLT) nhất định, những trở ngại đó nếu có biện pháp giải quyết hợp lý sẽ giúp con người vượt qua một cách dễ dàng, nếu không nó sẽ cản trở họ đạt được những mục đích đã đề ra.

Trong trường đại học, hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo, giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và

ng nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Do đó, cần tạo ra những điều kiện thuận lợi và giảm thiểu những trở ngại tâm lý nảy sinh trong quá trình học tập của sinh viên.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Từ năm học 2009 - 2010, Trường Đại học Phú Yên bắt đầu triển khai thực hiện việc đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ. Theo phương thức đào tạo này, sinh viên có quyền và phải tự quyết định trong việc xây dựng kế hoạch học tập cho từng học kỳ và toàn khóa học của mình.

Học tập theo hệ thống tín chỉ yêu cầu cao, khác với phương pháp học tập ở trường phổ thông. Chính điều đó đã gây ra không ít những trở ngại tâm lý cho sinh

* Email: thedanpyu@gmail.com

viên trong học tập, nhiều sinh viên không theo kịp với sự thay đổi, chán nản, chán học, không đáp ứng được yêu cầu đào tạo của nhà trường. Phát hiện những trở ngại tâm lý cụ thể, có những biện pháp hỗ trợ khắc phục kịp thời là công việc cần thiết giúp sinh viên hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng đầu ra của nhà trường.

2. Khái niệm trở ngại tâm lý, hoạt động học tập theo tín chỉ của sinh viên

2.1. Trở ngại tâm lý: *Trở ngại tâm lý là những cái gì (khách quan và chủ quan) gây khó khăn, làm giảm hiệu quả các quá trình tâm lý của con người như quá trình nhận thức, tình cảm, xúc cảm, ý chí...*

2.2. Hoạt động học tập theo tín chỉ

* Tín chỉ: *Tín chỉ là khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học mà người học cần phải tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.*

Hoạt động học tập theo tín chỉ của sinh viên: *là hoạt động được điều khiển bởi sự tự giác với tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo, linh hoạt và tinh thần tự học, hợp tác cao nhằm tích lũy đủ các tín chỉ cho việc hình thành nghề theo chuyên ngành đào tạo.*

Hoạt động học tập theo tín chỉ của sinh viên có các nội dung chính sau:

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 -90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 – 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Để tiếp thu được một tín chỉ (Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm) sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học phần, thì 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ. Một tiết học được tính bằng 50 phút. Một

học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, có 2 loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

- Cách tổ chức tích lũy khối lượng kiến thức: Lớp học được tổ chức theo môn học/học phần. Sinh viên đăng ký học các môn học/học phần vào đầu mỗi học kỳ phù hợp với năng lực, hoàn cảnh của mình và đảm bảo quy định chung (môn học chưa học, thuộc chuyên ngành đang học, thỏa mãn điều kiện tiên quyết, không trùng lịch học...) nhằm đạt được kiến thức theo một chuyên môn chính với quy định các môn học tối thiểu phải tích lũy cho việc đạt một văn bằng nào đó. Sau mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tích lũy được dùng như là các điểm quy chiếu để trường đại học định ra cấp độ học tập của sinh viên và xếp họ tương ứng với các năm học.

- Yêu cầu của việc học theo hệ thống tín chỉ: Học ở các học kỳ liên tục trong một năm, bao gồm cả học kỳ hè. Học phần nào đã tích lũy được thì không cần thiết phải thi lại, không thi tốt nghiệp, sinh viên cuối khóa có thể làm khóa luận tốt nghiệp (được xem như một học phần với một số tín chỉ nhất định).

Như vậy, học tập theo hệ thống tín chỉ sinh viên cần lưu ý các đặc điểm sau:

- Tính kế hoạch: Sinh viên cần xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện cho cả khóa học và từng học kỳ.

- Tính mềm dẻo, linh hoạt trong xây dựng chương trình, kế hoạch học tập: Tự lựa chọn môn học theo khả năng và điều kiện của bản thân cho phù hợp.

- Tính tích cực, độc lập, sáng tạo trong phương pháp học tập quyết định kết quả học tập của bản thân.

- Tính hợp tác trong học tập: Hợp tác với giảng viên, với các sinh viên trong lớp để tích lũy khối lượng kiến thức của các tín chỉ trong mỗi học kỳ.

- Tính thường xuyên, liên tục trong kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần. Sinh viên luôn phải có tâm thế sẵn sàng trong học tập để đáp ứng được những yêu cầu trong kiểm tra, đánh giá của học tập theo tín chỉ.

3. Thực trạng những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Phú Yên

Nghiên cứu những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Phú Yên chúng tôi tiến hành khảo sát 271 sinh viên ở các năm học và ngành học khác nhau cụ thể: 135 sinh

Bảng 1. Tự đánh giá của sinh viên về những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập và tần số xuất hiện các TNTL

Khóa	Trở ngại tâm lý		Thường xuyên		Đôi khi		Không bao giờ	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Khóa 2018 - 2022 (135 SV)	112	83	23	17	0	0	0	0
Khóa 2017 - 2021 (136 SV)	85	62,5	51	37,5	0	0	0	0
Tổng số	197	72,7	74	27,3	0	0	0	0

Kết quả ở bảng 1 cho thấy: Đa số sinh viên Trường Đại học Phú Yên đều gặp phải những TNTL nhất định trong hoạt động học tập. Cụ thể: có 72,7% cho rằng bản thân thường xuyên gặp phải những TNTL; 27,3% cho rằng mình đôi khi gặp phải những TNTL và không có sinh viên nào là không gặp phải những trở ngại nhất định. Điều này có thể được giải thích: Là sinh viên những năm đầu nên họ còn gặp nhiều trở ngại trong học tập. Sinh viên Trường Đại học Phú Yên đến từ nhiều vùng miền khác nhau, nhiều sinh viên sống ở các huyện miền núi, vùng quê lần đầu bước vào môi trường học mới ở đại học, với nội dung các môn học mới gắn với nghề nghiệp, cách học, cách thi, cách tích lũy tín chỉ học tập, khó thích nghi, khó làm quen với bạn bè, thầy cô, chưa quen với phương pháp học... Tất cả những yếu tố đó đã gây ra

viên Khóa 2018 - 2022 (DC18GMN01: 60 sinh viên; DC18GTH01: 45 sinh viên; CC18GMN01: 30 sinh viên); 136 sinh viên khóa 2017 - 2021 (DC17GTH01: 37 sinh viên; DC17GMN01: 50 sinh viên; DC17STA01 25 sinh viên; DC17SVA01; DC17STO01: 24 sinh viên) và thu được các kết quả như sau:

3.1. Tự đánh giá của sinh viên về những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập

Tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi đưa ra câu hỏi sau: *Trong quá trình học tập ở trường đại học bạn có thường xuyên gặp trở ngại không?*

những TNTL nhất định ảnh hưởng đến hoạt động học tập của sinh viên. Tỷ lệ mức độ thường xuyên năm thứ nhất cao hơn năm thứ 2, sinh viên năm thứ 2 mặc dù đã quen dần với môi trường học ở đại học nhưng đôi lúc cũng cảm thấy mình đang gặp phải những TNTL nhất định trong hoạt động học tập. Họ cần phải có nhiều kinh nghiệm sống và kỹ năng học tập theo tín chỉ mới đáp ứng được yêu cầu đào tạo của nhà trường, điều này không phải ngẫu nhiên, một sớm một chiều mà có được, đó là cả một quá trình đòi hỏi bản thân mỗi sinh viên phải không ngừng nỗ lực để vượt qua những khó khăn của chính họ nhằm nâng cao chất lượng học tập cho bản thân mình.

3.2. Những TNTL và biểu hiện của những TNTL trong hoạt động học tập của sinh viên

Để đánh giá khách quan về những

TNTL trong hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Phú Yên, chúng tôi đưa ra 4 nhóm TNTL và những biểu hiện để sinh viên đánh giá và thu được kết quả như sau:

Bảng 2. Những TNTL trong hoạt động học tập của sinh viên

Những TNTL	Biểu hiện	Khóa 2018 - 2022		Khóa 2017 - 2021	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1. Trở ngại trong lựa chọn và đăng kí học phần	Khó xây dựng kế hoạch học tập.	131	97	123	90,4
	Khó quyết định trong lựa chọn các học phần (cả các học phần học lại để cải thiện kết quả tích lũy).	129	95,6	98	72
	Đăng ký học phần cải thiện gặp khó khăn do thông báo điểm chậm.	117	86,7	120	88,2
	Môn tự chọn ít nên sinh viên khó lựa chọn.	112	83	99	73
	Khó gặp được cố vấn học tập và giảng viên khi cần được giúp đỡ.	119	88,1	88	64,7
2. Trở ngại trong tích lũy tín chỉ học tập.	Giảng viên giới thiệu tài liệu nhưng khó tìm kiếm nên gặp khó khăn trong tự học.	132	97,7	129	94,8
	Khó theo dõi nội dung của giờ học do không có đề cương bài giảng.	112	83	101	74,3
	Khó liên lạc với giảng viên nên không nhận được sự tư vấn trong hoạt động tự học một cách kịp thời.	86	63,7	85	62,5
	Một số học phần học khó hiểu, khó tạo ra hứng thú trong hoạt động học.	126	93,3	127	93,3
	Khó kiềm chế cảm xúc của bản thân.	87	64,4	90	66,1
3. Trở ngại trong hợp tác để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng cần tích lũy	Khó thiết lập mối quan hệ hợp tác trong học tập.	93	69	78	57,3
	Khó tập trung khi nghe giảng, thảo luận nên khó hiểu nội dung môn học, kiến thức thu được ít.	102	76	98	72
	Khó khăn trong việc sử dụng từ để diễn đạt suy nghĩ của bản thân	121	89,6	122	89,7
	Khó gây thiện cảm với các sinh viên trong nhóm học tập.	95	70,4	83	61
	Chưa biết yêu cầu giảng viên và bạn cùng học giúp đỡ khi cần thiết.	83	61,4	75	55,1
4. Trở	Khó khăn trong việc tự lập các câu hỏi	121	89,6	112	82,3

ngại trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.	kiểm tra hoặc thi.				
	Khó viết tóm tắt những vấn đề đã học theo ý hiểu của bản thân mà không thay đổi nội dung tri thức.	120	88,9	119	87,5
	Khó ghi nhớ tài liệu học tập.	129	95,6	127	93,3
	Thời gian ôn thi ngắn nên gặp trở ngại trong ôn tập.	132	98	130	95,6
	Gặp trở ngại trong cách trình bày bài thi, kiểm tra.	126	93,3	123	90,4

Nhận xét:

* Trong nhóm TNTL thứ nhất: do sinh viên chưa nắm được chương trình và quy trình đào tạo của từng ngành học để dẫn tới một văn bằng tốt nghiệp. Do đó, việc khó xây dựng kế hoạch học tập, chiếm 97%, năm thứ 2 chiếm 90,4%; Lựa chọn các học phần còn gặp trở ngại là điều không tránh khỏi, chiếm 95,6%, năm thứ 2 chiếm 72%; Khó gặp được cố vấn học tập và giảng viên khi cần được giúp đỡ chiếm 88,1%, năm thứ 2 chiếm 64,7%. Điều này là do các sinh viên chưa quen với môi trường học ở đại học là không có giáo viên chủ nhiệm như ở bậc phổ thông, nó đòi hỏi khả năng tự giác, tự chủ của sinh viên rất lớn. Môn tự chọn ít nên sinh viên khó lựa chọn chiếm 83%, năm thứ 2 chiếm 73%. Điều này cũng do sinh viên chưa thực sự hiểu rõ chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ vì có nhiều học phần chung cho nhiều ngành và khối kiến thức giáo dục có nhiều học phần tự chọn theo hướng chuyên sâu nghề nghiệp.

* Trong nhóm TNTL thứ 2: Giảng viên giới thiệu tài liệu nhưng khó tìm kiếm nên gặp trở ngại trong tự học chiếm 97,7%, năm thứ 2 chiếm 94,8%. Theo quy định trong đề cương chi tiết có giới thiệu tài liệu chính và tài liệu tham khảo, có thể có từ 1 đến 2 tài liệu chính và nhiều tài liệu tham khảo, một số tài liệu số lượng ít chưa đáp

ứng đủ nhu cầu của sinh viên; Khó theo dõi nội dung của giờ học do không có đề cương bài giảng chiếm 83%, năm thứ 2 chiếm 74,3%. Nhiều sinh viên muốn được giảng viên cung cấp đề cương bài giảng để không phải đọc giáo trình, tài liệu, giảm thời gian tự học, ít phải ghi chép. Điều này sẽ hạn chế tính tích cực, tự giác, độc lập của sinh viên trong tự học. Khó liên lạc với giảng viên nên không nhận được sự tư vấn trong hoạt động tự học một cách kịp thời chiếm 63,7%, năm thứ 2 chiếm 62,5%. Trở ngại này một phần do đặc thù riêng ở bậc đại học. Tuy nhiên, nhà trường, giảng viên bộ môn cần lưu tâm để giúp sinh viên tự học có kết quả. Một số học phần học khó hiểu, khó tạo ra hứng thú trong hoạt động học chiếm 93,3%, năm thứ 2 chiếm 93,3%. Do chương trình đào tạo có một số học phần mới chung cho nhiều ngành học, những học phần này mang tính lý luận, nhiều khái niệm khó hiểu, trừu tượng đòi hỏi sinh viên phải nghiên cứu tài liệu, suy nghĩ mới nắm được đầy đủ nội dung và còn phụ thuộc phương pháp giảng dạy của giảng viên để tạo ra hứng thú học cho sinh viên. Khó kiểm chế cảm xúc của bản thân chiếm 64,4%, năm thứ 2 chiếm 66,1%. Trở ngại này do đặc điểm tính cách, khí chất của bản thân mỗi người.

* Trong nhóm TNTL thứ 3: Khó thiết lập mối quan hệ hợp tác trong học tập

chiếm 69%, năm thứ 2 chiếm 57,3%; Khó gây thiện cảm với các sinh viên trong nhóm học tập chiếm 70,4%, năm thứ 2 chiếm 61%; Chưa biết yêu cầu giảng viên và bạn cùng học giúp đỡ khi cần thiết chiếm 61,4%, năm thứ 2 chiếm 55,1%. Những trở ngại này là do sinh viên là những người còn trẻ tuổi, thiếu các kỹ năng giao tiếp, vốn sống, nên gặp nhiều trở ngại trong giao tiếp gây trở ngại trong việc thiết lập các mối quan hệ với bạn bè và các giảng viên trong trường khi cần sự giúp đỡ. Khó tập trung khi nghe giảng, thảo luận nên khó hiểu nội dung môn học, kiến thức thu được ít chiếm 76%, năm thứ 2 chiếm 72%. Trở ngại này cũng do đặc điểm tính cách, khí chất, kỹ năng giao tiếp của mỗi người mà có, mỗi sinh viên cần thấy được để có biện pháp khắc phục trong học tập.

* Trong nhóm TNTL thứ 4: Trở ngại trong việc tự lập các câu hỏi kiểm tra hoặc thi chiếm 89,6%, năm thứ 2 chiếm 82,3%; Khó viết tóm tắt những vấn đề đã học theo ý hiểu của bản thân mà không thay đổi nội dung tri thức chiếm 88,9%, năm thứ 2 chiếm 87,5%; Khó ghi nhớ tài liệu học tập chiếm 95,6%, năm thứ 2 chiếm 93,3%.

Thời gian ôn thi ngắn nên gặp trở ngại trong ôn tập chiếm 98%, năm thứ 2 chiếm 95,6%. Gặp khó khăn trong cách trình bày bài thi, kiểm tra chiếm 93,3%, năm thứ 2 chiếm 90,4%. Những trở ngại này có nhiều sinh viên gặp phải vì chưa quen với phương pháp học và thi ở đại học, cần có kế hoạch và phương pháp học tập, nghiên cứu, ôn tập phù hợp. Vì không biết tự học, tự nghiên cứu tài liệu họ sẽ không hiểu nội dung môn học dẫn đến không tóm tắt được những vấn đề đã học, không tự lập các câu hỏi kiểm tra hoặc thi và thời gian ôn tập ngắn, nhiều môn sẽ khó ghi nhớ được nội dung gây ra trở ngại trong cách trình bày bài kiểm tra hoặc thi kết thúc học phần vào cuối mỗi học kỳ.

3.3. Nguyên nhân dẫn đến những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên

Tìm hiểu những nguyên nhân TNTL trong hoạt động học tập của sinh viên chúng tôi đưa ra 2 loại nguyên nhân: nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Kết quả thu được như sau:

3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Bảng 3. Những nguyên nhân chủ quan dẫn đến những TNTL trong hoạt động học tập của SV

TT	Những nguyên nhân	Khóa 2018 - 2022		Khóa 2017 - 2021	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Sinh viên chưa đọc và nắm đầy đủ chương trình và “Cẩm nang sinh viên” do nhà trường phát hành.	128	94,8	131	96,3
2	Kỹ năng học tập theo tín chỉ còn hạn chế.	130	96,3	115	84,6
3	Chưa biết khai thác thông tin từ tài liệu học tập.	127	94	126	92,6
4	Do đặc điểm tính cách, khí chất của bản thân.	131	97	132	97
5	Chưa có thiện cảm với một số sinh viên trong nhóm học tập.	126	93,3	98	72

6	Do thiếu kỹ năng giao tiếp.	119	88,1	115	84,6
7	Chưa biết lập kế hoạch, xây dựng đề cương ôn tập hợp lí.	128	94,8	120	88,2
8	Chưa biết cách lập dàn ý khi trả lời câu hỏi kiểm tra và thi, kỹ năng trình bày chưa tốt.	128	94,8	123	90,4

Đối với những nguyên nhân chủ quan hầu hết sinh viên cho rằng sở dĩ có những TNTL trong hoạt động học tập là do:

- Sinh viên chưa đọc và nắm đầy đủ chương trình và “cẩm nang sinh viên” do nhà trường phát hành chiếm 94,8%, năm thứ 2 chiếm 96,3%; Kỹ năng học tập theo tín chỉ còn hạn chế chiếm 96,3 %, năm thứ 2 chiếm 84,6%; Do thiếu kỹ năng giao tiếp chiếm 88,1%, năm thứ 2 chiếm 84,6%. Những nguyên nhân này cần được nhà trường, cố vấn học tập, các giảng viên quan tâm giúp sinh viên nắm được cách tổ chức đào tạo của nhà trường, tăng cường việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, rèn kỹ năng giao tiếp cho sinh viên.

- Chưa biết khai thác thông tin từ tài liệu học tập chiếm 94%, năm thứ 2 chiếm 92,6%; Chưa biết lập kế hoạch, xây dựng đề cương ôn tập hợp lí chiếm 94,8%, năm thứ 2 chiếm 88,2%; Chưa biết cách lập dàn

ý khi trả lời câu hỏi kiểm tra và thi, kỹ năng trình bày chưa tốt chiếm 94,8% năm thứ 2 chiếm 90,4%. Những nguyên nhân này cần có sự hỗ trợ của giảng viên trực tiếp giảng dạy từng học phần nhằm giúp sinh viên biết cách đọc, thu thập, xử lí thông tin thu được từ tài liệu phục vụ cho việc học và thi kết thúc học phần.

- Do đặc điểm tính cách, khí chất của bản thân chiếm 97%, năm thứ 2 chiếm 97%. Chưa có thiện cảm với một số sinh viên trong nhóm học tập chiếm 93,3%, năm thứ 2 chiếm 72%. Tính cách, khí chất là những thuộc tính của nhân cách khó thay đổi nên mỗi sinh viên cần khắc phục những nhược điểm trên thông qua quá trình tự rèn luyện và tham gia các hoạt động chung của lớp của trường để tích lũy và nâng cao vốn kinh nghiệm và các kỹ năng giao tiếp để hoạt động học tập thu được kết quả tốt..

3.3.2. Nguyên nhân khách quan

Bảng 4. Những nguyên nhân khách quan dẫn đến những TNTL trong hoạt động học tập của SV

TT	Những nguyên nhân	Khóa 2018 - 2022		Khóa 2017- 2021	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Do môi trường và tính chất học ở đại học có đặc thù riêng.	135	100	136	100
2	Cách tổ chức đào tạo theo tín chỉ của nhà trường.	131	97	132	97
3	Số lượng sinh viên trong một lớp quá đông.	124	91,8	131	96,3
4	Giảng viên, bạn bè ít quan tâm.	129	95,5	98	72
5	Phương pháp dạy của giảng viên chưa phù hợp.	127	94	102	75
6	Khó rút kinh nghiệm để điều chỉnh quá	130	96,2	131	96,3

	trình học tập do giảng viên không trả bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ đúng hạn và không có nhận xét.				
--	---	--	--	--	--

Đối với những nguyên nhân khách quan đa số sinh viên cho rằng sở dĩ có những TNTL trong hoạt động học tập là do:

- Do môi trường và tính chất học ở đại học có đặc thù riêng chiếm 100%, năm thứ 2 chiếm 100; Cách tổ chức đào tạo theo tín chỉ của nhà trường chiếm 97%, năm thứ 2 chiếm 97%; Số lượng sinh viên trong một lớp quá đông chiếm 91,8%, năm thứ 2 chiếm 96,3; Giảng viên, bạn bè ít quan tâm chiếm 95,5%, năm thứ 2 chiếm 72%. Nguyên nhân này hoàn toàn khách quan, nhất là đối với sinh viên năm thứ nhất khi mới bước vào trường, chưa quen với phương pháp học mới, thầy cô, bạn bè mới, kiến thức thì nhiều đòi hỏi họ phải cố gắng, nỗ lực mới theo kịp được với cách học mới. Số lượng sinh viên quá đông gây trở ngại không chỉ cho sinh viên mà giảng viên cũng gặp trở ngại trong dạy học.

- Phương pháp dạy của giảng viên chưa phù hợp chiếm 94%, năm thứ 2 chiếm 75%; Phương pháp dạy của giảng viên đóng vai trò quan trọng hàng đầu giúp sinh viên định hướng trong hoạt động học, nếu được định hướng đúng trong học tập, đặc biệt trong các giờ tự học sẽ giúp sinh viên giảm mức độ khó khăn một cách đáng kể.

- Khó rút kinh nghiệm để điều chỉnh quá trình học tập do giảng viên không trả bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ đúng hạn và không có nhận xét chiếm 96,2%, năm thứ 2 chiếm 96,3%. Nguyên nhân này một phần do nhiều lớp quá đông, bảng điểm do Phòng Đào tạo quản lý đưa xuống chậm, một phần do trường khi thanh tra nhà giáo yêu cầu giảng viên phải có bài kiểm tra để làm minh chứng cho việc kiểm tra,

đánh giá sinh viên.

4. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu thực trạng những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập theo hệ thống tín chỉ của sinh viên sư phạm Trường Đại học Phú Yên được chia thành 4 nhóm TNTL. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Đa số sinh viên được khảo sát đều gặp phải những TNTL trong học tập và được biểu hiện rất đa dạng. Những trở ngại này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập của sinh viên và chất lượng đào tạo của nhà trường. Những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập theo hệ thống tín chỉ của sinh viên sư phạm chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan (Do môi trường và tính chất học ở đại học; cách tổ chức đào tạo theo tín chỉ của nhà trường; vai trò của giảng viên, cố vấn học tập) và yếu tố chủ quan (Ý thức học tập, nghiên cứu; kỹ năng học tập theo tín chỉ; đặc điểm về tính cách, khí chất; kinh nghiệm sống, kỹ năng giao tiếp). Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố là không giống nhau, trong đó yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất là cách tổ chức đào tạo của nhà trường, giảng viên, cố vấn học tập và ý thức tự học của sinh viên.

Từ việc phân tích kết quả và nguyên nhân trên, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị xem như là những giải pháp giúp sinh viên hạn chế những TNTL trong hoạt động học tập:

- Đối với các cấp lãnh đạo nhà trường

+ Khi triển khai áp dụng đào tạo theo tín chỉ, mặc dù đã phát hành cuốn “Cẩm nang sinh viên”, nhà trường vẫn cần tổ chức hướng dẫn cho sinh viên, nhất là sinh viên năm thứ nhất, những kiến thức về kỹ

năng học tập theo tín chỉ: Cách tổ chức đăng ký học phần, cách tính khối lượng kiến thức tích lũy, cách tổ chức tích lũy khối lượng kiến thức.

+ Thiết kế và đẩy mạnh nội dung giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên bằng việc đưa vào chương trình học chính khóa bắt buộc.

+ Tăng thời lượng thực hành (Bài tập, thảo luận nhóm...) để nâng cao nhận thức và kỹ năng cho sinh viên.

+ Tạo điều kiện thuận lợi nhất để sinh viên thực hiện hoạt động học tập theo tín chỉ (đăng ký học phần trực tuyến, giảm áp lực thi cử, thành tích điểm số...).

- Đối với giảng viên

+ Giúp sinh viên nắm được đề cương chi tiết môn học, qua đó sinh viên chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu.

+ Xác định rõ nội dung tự học và phương tiện để họ thực hiện nội dung học thông qua việc thiết kế nhiệm vụ tự học cụ thể để chiếm lĩnh được các nội dung học tập. Giảng viên cần giới thiệu đầy đủ các tài liệu chính, tài liệu tham khảo, cách tra cứu, thu thập và xử lý thông tin trong tài liệu. Bồi dưỡng cho sinh viên kiến thức về tự học và kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của sinh viên. Tránh việc giảng viên chỉ giao nhiệm vụ mà không kiểm tra, đánh giá dẫn đến mang tính hình thức, đối phó mà không đem lại kết quả. Việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành trong suốt quá trình môn học thông qua các hình thức

kiểm tra đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập lớn và các bài thi giữa kỳ, cuối kỳ.

- Đối với cố vấn học tập

Cố vấn học tập là một trong những điều kiện cơ bản để thực hiện triển khai chương trình đào tạo theo tín chỉ. Họ là chỗ dựa xã hội quan trọng của sinh viên để giải quyết các vấn đề khó khăn trong học tập theo tín chỉ. Mỗi cố vấn học tập cần có kiến thức về tâm lý học sư phạm, biết tìm hiểu năng lực, hoàn cảnh của sinh viên để tư vấn việc lập tiến độ tích lũy phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của từng sinh viên. Họ cần nắm chắc chương trình và quy trình đào tạo để đạt được một văn bằng của từng ngành học trong từng khóa học nhằm giúp từng sinh viên lựa chọn và đăng ký môn học phù hợp với năng lực, thời gian. Nhờ đó mỗi sinh viên biết lập kế hoạch học tập tối ưu cho mình. Họ cần có kinh nghiệm học tập, kỹ năng giao tiếp tốt để hỗ trợ cách học cho sinh viên khi được yêu cầu.

- Đối với sinh viên

Cần tổ chức tốt đời sống cá nhân, biết sắp xếp các công việc và các nhiệm vụ học tập một cách hợp lý, khoa học. Chuẩn bị tốt cho các giờ tín chỉ và cho cả kiểm tra, thi kết thúc học phần. Tìm những phương án giải quyết. Ngoài ra, sinh viên cũng cần tham gia vào nhiều hoạt động đặc biệt là những hoạt động tốt cho kiến thức và kỹ năng □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Ngọc Hà (2012), *Khó khăn tâm lý của học sinh đầu lớp 1*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [2] Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy (1998), *Tâm lý học tập 1*, Nxb Giáo dục.
- [3] Bùi Hiền, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

- [4] Đỗ Thị Thu Hồng (2008), *Kỹ năng ứng phó với những khó khăn trong cuộc sống của học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Xuân Thúc (2007), “*Phân tích các biểu hiện khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất sư phạm*”, *Tạp chí Tâm lý học*, Số 9 Tr14-21.
- [6] Nguyễn Thị Tú, Đào Thị Duy Duyên (2013), “*Những khó khăn trong cuộc sống của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm TPHCM*”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TPHCM*, Số 50 tr120-130.
- [7] Trường Đại học Phú Yên (2009), *Cẩm nang sinh viên*, Công ty Cổ phần in - TM Phú Yên.

(Ngày nhận bài: 13/11/2018; ngày phản biện: 26/11/2018; ngày nhận đăng: 04/01/2019)